

Đề thi Tiếng Việt lớp 5 kì 2 năm 2021 - Đề số 2

A. Kiểm tra Đọc

I- Đọc thành tiếng (5 điểm)

- Giáo viên cho học sinh gặp phiếu chọn bài đọc và câu hỏi nội dung của đoạn đó theo quy định.

II – Đọc thầm và làm bài tập (5 điểm)

CHIẾC KÉN BƯỚM

Có một anh chàng tìm thấy một cái kén bướm. Một hôm anh ta thấy kén hé ra một lỗ nhỏ. Anh ta ngồi hàng giờ nhìn chú bướm nhỏ cố thoát mình ra khỏi cái lỗ nhỏ xíu. Rồi anh ta thấy mọi việc không tiến triển gì thêm. Hình như chú bướm không thể cố được nữa. Vì thế, anh ta quyết định giúp chú bướm nhỏ. Anh ta lấy kéo rạch lỗ nhỏ cho to thêm. Chú bướm dễ dàng thoát ra khỏi cái kén nhưng thân hình nó thì sưng phồng lên, đôi cánh thì nhăn nhúm. Còn chàng thanh niên thì ngồi quan sát với hi vọng một lúc nào đó thân hình chú bướm sẽ xẹp lại và đôi cánh đủ rộng hơn để nâng đỡ thân hình chú. Nhưng chẳng có gì thay đổi cả ! Thật sự là chú bướm phải bò loanh quanh suốt quãng đời còn lại với đôi cánh nhăn nhúm và thân hình sưng phồng. Nó sẽ không bao giờ bay được nữa. Có một điều mà người thanh niên không hiểu: cái kén chật chội khiến chú bướm phải nỗ lực mới thoát ra khỏi cái lỗ nhỏ xíu kia chính là quy luật của tự nhiên tác động lên đôi cánh và có thể giúp chú bướm bay ngay khi thoát ra ngoài.

Đôi khi đấu tranh là điều cần thiết trong cuộc sống. Nếu ta quen sống một cuộc đời phẳng lặng, ta sẽ mất đi sức mạnh tiềm tàng mà bẩm sinh mọi người đều có và chẳng bao giờ ta có thể bay được. Vì thế, nếu bạn thấy mình đang phải vượt qua nhiều áp lực và căng thẳng thì hãy tin rằng sau đó bạn sẽ trưởng thành hơn.

Theo Nông Lương Hoài

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1. Chú bướm nhỏ cố thoát mình ra khỏi chiếc lỗ nhỏ xíu để làm gì?

- Để khỏi bị ngạt thở.
- Để nhìn thấy ánh sáng vì trong kén tối và chật chội.
- Để trở thành con bướm thật sự trưởng thành.

Câu 2. Vì sao chú bướm nhỏ chưa thoát ra khỏi chiếc kén được?

- a. Vì chú yếu quá.
- b. Vì không có ai giúp chú.
- c. Vì chú chưa phát triển đủ để thoát ra khỏi chiếc kén.

Câu 3. Chú bướm nhỏ đã thoát ra khỏi chiếc kén bằng cách nào?

- a. Chú đã cố hết sức để làm rách cái kén.
- b. Chú đã cắn nát chiếc kén để thoát ra.
- c. Có ai đó đã làm lỗ rách to thêm nên chú thoát ra dễ dàng.

Câu 4. Điều gì xảy ra với chú bướm khi đã thoát ra ngoài kén?

- a. Bò loanh quanh suốt quãng đời còn lại với đôi cánh nhăn nhúm và thân hình sưng phồng.
- b. Dạng rộng cánh bay lên cao.
- c. Phải mất mấy hôm nữa mới bay lên được.

Câu 5. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

- a. Đừng bao giờ gắng sức làm điều gì, mọi chuyện tự nó sẽ đến.
- b. Phải tự mình nỗ lực vượt qua khó khăn, khó khăn giúp ta trưởng thành hơn.
- c. Đừng bao giờ giúp đỡ ai việc gì, vì chẳng có sự giúp đỡ nào có lợi cho mọi người.

Câu 6. Câu nào sau đây là câu ghép?

- a. Vì thế, anh ta quyết định giúp chú bướm nhỏ.
- b. Còn chàng thanh niên thì ngồi quan sát với hi vọng một lúc nào đó thân hình chú bướm sẽ xẹp lại và đôi cánh đủ rộng hơn để nâng đỡ thân hình chú.
- c. Nếu ta quen sống một cuộc đời phẳng lặng, ta sẽ mất đi sức mạnh tiềm tàng mà bẩm sinh mọi người đều có và chẳng bao giờ ta có thể bay được.

Câu 7. Dấu hai chấm trong câu: “Có một điều mà người thanh niên không hiểu: cái kén chật chội khiến chú bướm phải nỗ lực mới thoát ra khỏi cái lỗ nhỏ xíu kia chính là quy luật của tự nhiên tác động lên đôi cánh và có thể giúp chú bướm bay ngay khi thoát ra ngoài.” có nhiệm vụ gì?

- a. Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói của nhân vật.
- b. Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời giải thích cho bộ phận câu đứng trước.
- c. Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là sự liệt kê.

Câu 8. Dấu phẩy trong câu sau có tác dụng gì?

“Nếu ta quen sống một cuộc đời phẳng lặng, ta sẽ mất đi sức mạnh tiềm tàng mà bẩm sinh mọi người đều có và chẳng bao giờ ta có thể bay được.”

- a. Ngăn cách các vế câu.
- b. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.
- c. Ngăn cách các từ cùng làm vị ngữ.

Câu 9. Từ “kén” trong câu: “Một hôm anh ta thấy kén hé ra một lỗ nhỏ.” là:

- a. Danh từ
- b. Động từ
- c. Tính từ

Câu 10. Từ in đậm trong câu: “Anh ta lấy kéo rạch lỗ nhỏ cho to thêm.” là:

- a. Hai từ đơn
- b. Một từ ghép
- c. Một từ láy

B. Kiểm tra Viết

I. Chính tả (5 điểm) Nghe – viết.

Giáo viên đọc cho học sinh viết một đoạn trong bài “Út Vịnh” SGK TV5 - Tập 2, trang 136 (Từ đầu đến ... chuyến tàu qua)

II. Tập làm văn (5 điểm)

Em hãy tả một loại trái cây mà em thích

Đáp án đề thi cuối học kì 2 lớp 5 môn Tiếng Việt - Đề số 2

A. Kiểm tra Đọc

2- Đọc thầm và làm bài tập (5 điểm)

1-C 2-C 3-C 4-A 5-B

6-C 7-B 8-A 9-A 10-A

B. Kiểm tra Viết

1- Chính tả (5 điểm)

- Sai mỗi một lỗi (lỗi về thanh, về phụ âm đầu, viết hoa, tiếng) trừ 0,5 điểm
- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về cao độ, khoảng cách, bản ... bị trừ 1 điểm toàn bài.

Chú ý: Các lỗi sai giống nhau chỉ tính lỗi một lần

2- Tập làm văn (5 điểm)

- Đảm bảo các yêu cầu sau được 5 điểm:

+ Viết được bài văn tả cảnh (có hình ảnh, hoạt động, trình tự tả) đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài đúng theo yêu cầu đã học ; độ dài từ 15 câu trở lên.

+ Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

+ Chữ viết rõ ràng, trình bày bài sạch sẽ.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm 4,5 – 4 – 3,5 – 3 – 2,5 – 2 – 1,5 – 1 – 0,5.